| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 - AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 78/2026/HS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Anh Tấn; Bà Trần Việt Hồng Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Thuận An - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét sử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Như Y1**, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1997, nơi sinh: tỉnh An Giang, nơi cư trú: ấp M, xã Đ, tỉnh An Giang, nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969; bị cáo có chồng là Lê Hồng Ph, sinh năm 1995 (ly hôn năm 2023) và có 01 người con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2025 cho đến nay tại Phân trại Tạm giam Cô Tô cơ sở 3 thuộc Trại Tạm giam số 1 - Công an tỉnh An Giang (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 là:* Bà Nguyễn Ngọc Th, luật sư Công ty luật An Giang, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt)

Địa chỉ: Lô 19 đường N, khóm T, phường L, tỉnh An Giang.

**** Bị hại:*** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 (có mặt)

Cư trú: Số 295 phố H1, phường Q1, tỉnh Gia Lai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1986; Cư trú: ấp Đ2, xã Th1, tỉnh An Giang. (có mặt)

**** Người làm chứng:*** Ông Bùi Minh Tr, ông Lê Nhựt H2, bà Lê Thị Ngọc Tr1

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Như Y1 và Nguyễn Ngọc H cùng là công nhân của Công ty Cổ phần TBS Group, tỉnh An Giang. Khoảng tháng 4 năm 2025, giữa Y1 và H xảy ra mâu thuẫn trong công việc nên H đe dọa đánh Y1.

Đến khoảng 16 giờ ngày 18 tháng 6 năm 2025, Y1 điều khiển xe mô tô biển số 67M1-874.52 từ Công ty về nhà. Khi đến ấp Th1, xã Ph1, tỉnh An Giang, H từ lề trái chạy ra giữa đường dùng tay đẩy xe mô tô của Y1 làm Y1 ngã xuống đường, bị thương tích ở chân dẫn đến cự cãi. Lúc này, Y1 lấy con dao (loại dao bấm) trong túi đeo trên người, tay phải cầm dao bấm khoá mở dao và đâm nhiều cái về phía H, lúc này lưỡi dao không mở nên khi Y1 đâm H là phần cán đâm về phía H, không gây thương tích. Y1 tiếp tục đâm H thì lưỡi dao mở ra, Y1 vẫn đâm nhiều cái vào người H gây thương tích. Thấy vậy, Bùi Minh Tr đến can ngăn, lấy dao của Y1 cất giữ. Sau đó, Y1 điều khiển xe về nhà. H được gia đình đưa đến Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang điều trị đến ngày 04 tháng 7 năm 2025 xuất viện.

* Kết luận Giám định số 341LX/25/KLTTCT-TTPY ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Pháp y - Sở Y tế tỉnh An Giang, đối với Nguyễn Ngọc H, xác định: các kết quả chính: 04 sẹo vùng ngực trái đường nách trước đến đường nách sau, sẹo lồi, hồng, bờ sắc (vết 01 kích thước (1.2 x 0.3)cm, vết 02 kích thước (1.3 x 0.2)cm, vết 03 kích thước (1.2 x 0.4)cm, vết 04 kích thước (1.2 x 0.3)cm; gây tràn khí màng phổi trái, điều trị nội khoa); sẹo vùng hông trái, kích thước (1.2 x 0.1)cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc; sẹo vùng mào chậu trái, kích thước (1.2 x 0.2)cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc; sẹo mông trái, kích thước (1.3 x 0.2)cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc; vết thương chưa liền sẹo kẻ ngón I - II bàn tay phải, kích thước (0.7 x 0.4)cm; 02 sẹo mặt trước ngoài 1/3 trên cánh tay trái, sẹo lồi, hồng, bờ sắc (vết 01 kích thước (2.8 x 0.3)cm, vết 02 kích thước (1.2 x 0.3)cm, gây đứt một phần cơ delta, đã phẫu thuật khâu thưa băng kín); sây sát da dạng thẳng mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái để lại vết biến đổi sắc tố, kích thước (2.5 x 0.1)cm; sẹo mặt ngoài 1/3 giữa cánh tay trái, kích thước (3.3 x 0.5)cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc; sẹo mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước (6.5 x 0.3)cm, sẹo lồi hồng, bờ sắc, gây: đứt động mạch cánh tay trái đoạn 1/3 dưới trên nếp gấp khuỷu, đã phẫu thuật khâu động mạch, đứt thần kinh quay trái, đã phẫu thuật khâu nối thần kinh, sẹo mổ mặt trong 1/3 giữa cánh tay trái đến 1/3 trên cẳng tay trái, kích thước (17.5 x 0.2)cm, hiện tại chỉ ấm, mạch quay trái rõ, liệt thần kinh quay trái, bàn tay rũ, 02 sẹo mặt sau 1/3 giữa cánh tay trái, sẹo lồi, hồng, bờ sắc (vết 01 kích thước (1.5 x 0.2)cm, vết 02 kích thước (1.2 x 0.2) cm); sẹo mặt lòng đốt 1 ngón IV bàn tay trái, kích thước (0.6 x 0.1)cm, sẹo hơi lồi, hồng, bờ sắc. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ

lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Nguyễn Ngọc H, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là 59%. Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do vật sắc nhọn gây nên.

* Công văn số 56LX/TTPY-KGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Pháp y Sở y tế tỉnh An Giang phúc đáp: 04 sẹo vùng ngực trái đường nách trước đến đường nách sau, sẹo lồi, hồng, bờ sắc. Gây tràn khí màng phổi trái. Sẹo mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước (6.5 x 0.3)cm, sẹo lồi, hồng, bờ sắc. Gây đứt động mạch cánh tay trái đoạn 1/3 dưới trên nếp gấp khuỷu. Với hai thương tích trên nếu không được đưa đi cấp cứu kịp thời có thể nguy hiểm để tính mạng.

* Kết luận giám định số 3634/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: con dao gửi giám định là dao gấp thuộc danh mục dao có tính sát thương cao (Phụ lục số 05, ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

* Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: 01 con dao bấm màu đen, cán dao bằng kim loại, kích thước (22 x 4)cm, bên ngoài có ốp nhựa màu đen kích thước (12.5 x 2.4)cm.

Lời khai bị hại Nguyễn Ngọc H; người làm chứng Bùi Minh Tr, Lê Nhựt H1, Lê Thị Ngọc Tr1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc S trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Y1 đã tác động gia đình bồi thường 30.000.000 đồng. H yêu cầu Y1 bồi thường thêm 62.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKSKV10 ngày 06 tháng 5 năm 2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 về tội "Cố ý gây thương tích" và "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung đã nêu. Bị cáo yêu cầu xem xét việc bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn trình bày: Ông tự nguyện cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng đã dùng để bồi thường cho bị hại, ông không yêu cầu bị cáo trả lại.

Đại diện Viện Kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

*a) Về trách nhiệm hình sự:*

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 54 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù

về tội "Cố ý gây thương tích"; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

*b) Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bấm màu đen.

*c) Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự, đề nghị: Buộc bị cáo bồi thường các thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xem xét cho bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự "Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra", hành vi trái pháp luật của bị hại là hành vi đã xông ra đẩy ngã xe của bị cáo, tấn công bị cáo ở nơi công cộng. Đề nghị buộc bị cáo thực hiện bồi thường theo quy định pháp luật.

Bị cáo thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa và không bào chữa, tranh luận gì khác, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 18 tháng 6 năm 2025, do có mâu thuẫn từ trước, nên khi

bị Nguyễn Ngọc H bất ngờ xô ngã xe trên đường, Nguyễn Thị Như Y1 đã có hành vi cự cãi, dùng dao gấp thuộc danh mục dao có tính sát thương cao để đâm nhiều nhát liên tiếp vào ngực trái đường nách trước, vùng dưới nách, cánh tay, bàn tay của H. Hậu quả dẫn đến H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên là 59%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự: *"Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự"*; và tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, khiến quần chúng nhân dân bất bình và lên án. Do vậy, cần xử lý thật nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và nhằm mục đích răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chỉ vì có mâu thuẫn từ trước, mà ngay khi H xô ngã xe của mình thì bị cáo Y1 đã cự cãi với H để mâu thuẫn dâng cao dẫn đến việc bị cáo Y1 không kìm chế bản thân mà hung hăng, quyết liệt cầm dao có tính sát thương cao đâm liên tiếp vào bị hại H. Mặc dù, ban đầu khi sử dụng dao đâm H, dao không bật được lưỡi dao, nhưng bị cáo vẫn đâm liên tiếp vào người H. Đến khi dao đã bật được lưỡi dao ra, thì bị cáo vẫn không dừng lại mà tiếp tục đâm nhiều nhát vào người bị hại. Việc dao không bật được lưỡi dao là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo. Trong lúc bị cáo tấn công liên tiếp, thì người dân xung quanh hoảng sợ không dám đến gần, nhưng có lời khuyên can. Tuy nhiên, bị cáo không nghe theo, chỉ khi H chảy nhiều máu và có người lao ra can ngăn thì bị cáo mới dừng lại. Điều này đã thể hiện tính chất côn đồ của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi làm tổn hại đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật; nhưng chỉ vì mâu thuẫn đời thường trong cuộc sống công nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Trong khi người bị tấn công chỉ dừng lại ở việc dùng lời nói đe dọa bị cáo, không sử dụng vũ lực hoặc hung khí tấn công bị cáo như bị cáo trình bày; đến ngày 18 tháng 6 năm 2025 thì bị hại có hành vi dùng tay không xô ngã xe của bị cáo. Còn bị cáo lại không lựa chọn những biện pháp giải quyết mâu thuẫn mà pháp luật cho phép, không gây tổn hại sức khỏe cho ai. Bị cáo đã lựa chọn biện pháp tiêu cực nhất là dùng dao tấn công người khác, thậm chí là tấn công liên tiếp.

Xét tính chất, hậu quả của vụ án là nguy hiểm cho xã hội, Nhà nước ta khuyến khích nhân dân xây dựng đời sống văn hóa, mọi công dân phải sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật; không cho phép bất kỳ người nào tự ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác. Thế nhưng bị cáo đã xem thường pháp luật, côn đồ quyết liệt gây thương tích cho người khác, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân, bức xúc lớn trong dư luận. Vì vậy, cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình thực hiện một phần bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo phạm tội bộc phát xuất phát từ phần lỗi của bị hại, từ việc mâu thuẫn kéo dài. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo của người bào chữa, xét thấy: Mục 6 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn:

*"6. "Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra" quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Người phạm tội bị kích động về tinh thần, bị chi phối do hành vi trái pháp luật của nạn nhân khiến họ không hoàn toàn tự chủ, tỉnh táo, tự kiềm chế mà thực hiện hành vi phạm tội. Sự kích động tinh thần phải là tức thời do hành vi trái pháp luật của nạn nhân dẫn tới thực hiện hành vi phạm tội;*

*b) Trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỉ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người phạm tội bị kích động không tự kiềm chế được mà thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp này nếu tách riêng hành vi nêu trên thì không coi là kích động, nhưng nếu xét cả quá trình diễn biến của sự việc thì được coi là kích động mạnh hoặc rất mạnh nên người phạm tội có thể được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.*

*Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ này thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự còn phải căn cứ vào lỗi, mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật của nạn nhân với tình trạng tinh thần bị kích động của người phạm tội.*

*Chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này nếu nạn nhân là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật và hành vi trái pháp luật đó xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thân thích của người phạm tội. Nếu hành vi trái pháp luật của nạn nhân không xâm phạm*

*đến quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc người thân thích của họ khiến người phạm tội bị kích động về tinh thần thì không phải là căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.*

*Ví dụ: Nguyễn Văn A thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ con và đập phá đồ đạc. Ngày 01/9/2025, A tiếp tục đập phá đồ đạc, đánh chửi vợ và con là Nguyễn Văn B; không kiềm chế được, B đã lấy đoạn gỗ đập nhiều nhát vào đầu A. Hậu quả A bị tổn thương cơ thể tỷ lệ 65%. Trường hợp này, Nguyễn Văn B được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự."*

Trong trường hợp của bị cáo, bị cáo cho rằng trong quá trình làm việc chung, bị cáo không gây mâu thuẫn nhưng bị hại vô cớ nhiều lần dùng lời lẽ hăm dọa bị cáo, và không có hành vi dùng vũ lực tấn công bị cáo. Về phía bị hại cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ việc bị cáo không hợp tác trong công việc, tỏ thái độ xem thường bị hại. Tại thời điểm xảy ra sự việc bị hại xô ngã bị cáo bằng tay không, và không có sử dụng hung khí. Còn bản thân bị cáo có khoảng thời gian suy nghĩ lựa chọn giải pháp tốt nhất giải quyết mâu thuẫn, nhưng khi vừa bị xô ngã, bị cáo đã lao vào cự cãi và lấy ngay dao ra tấn công bị hại trong lúc hoàn toàn tỉnh táo, làm chủ được hành vi của mình. Còn bị hại không có hành vi tấn công vũ lực đối với bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Xét thấy: Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tội phạm nghiêm trọng, thể hiện thái độ côn đồ, hung hăng, xem thường pháp luật. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến sự việc xảy ra là do bị cáo và bị hại mâu thuẫn trong thời gian dài, khiến bị cáo bức xúc, bị hại lại có hành vi xô đẩy bị cáo ngã. Vì vậy, việc bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo hưởng mức án dưới khung hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại cho bị hại dẫn đến bị hại phải điều trị cấp cứu tại bệnh viện, điều trị sau phẫu thuật, tập vật lý trị liệu…, do đó yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị cáo yêu cầu xem xét theo quy định pháp luật. Căn cứ tài liệu chứng cứ bị hại cung cấp thì: Chi phí điều trị 15 ngày của bị hại tại bệnh viện là 42.000.000 đồng, chi phí mất thu nhập khi nằm viện là 3.000.000 đồng (do bị cáo khai mức lương công nhân của bị cáo là từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, bị hại làm việc cùng vị trí và dây truyền sản xuất, tổ sản xuất với bị cáo. Phù hợp với mức tiền công lao động phổ thông tại địa phương là 200.000 đồng/ngày). Chi phí mất thu nhập khi điều trị sau xuất viện và

tái khám là 03 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Chi phí mất thu nhập của người nuôi bệnh 15 ngày là 3.000.000 đồng. Đây là những thiệt hại trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm mà người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự. Ngoài ra người gây thiệt hại còn phải bồi thường một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho bị hại. Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định: *"Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định"*. Như vậy, nếu thực hiện việc bồi thường theo quy định pháp luật, thì số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là trên 100.000.000 đồng. Trong khi đó, bị hại H đã nhận 30.000.000 đồng và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 62.000.000 đồng là có lợi cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường 92.000.000 đồng, có khấu trừ 30.000.000 đồng bị hại đã nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Con dao bấm màu đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vật chứng không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Các vấn đề khác:

Nguyễn Thị Ngọc H dùng tay xô xe mô tô làm Nguyễn Thị Như Y1 ngã xuống đường gây thương tích 03%. Y1 có đơn yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hành vi của H không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" nên cơ quan điều tra đã chuyển xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 phạm tội "Cố ý gây thương tích" và "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng";

*Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 304; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025);*

*Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26 tháng 8 năm 2025).

*Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

Bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng). Nhưng được khấu trừ phần

tiền bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H nhận, là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi niêm phong Mã số PS3A 121432 dán kín miệng túi bằng băng niêm phong màu đỏ; túi niêm phong có đóng dấu tròn đỏ Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký bên giao tên Nguyễn Phương Nam và bên nhận tên Trần Đức Mạnh Kh, bên trong có chứa 01 (một) con dao loại kim loại màu đen (loại dao gấp) kích thước (22 x 2.4)cm. Phần cán dao bằng kim loại, bên ngoài ốp nhựa màu đen có dòng chữ BROWNING màu đỏ; phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen có dính chất màu đỏ, dao một lưỡi sắc trên lưỡi dao có dòng chữ BROWNING, màu trắng, mũi dao nhọn, lưỡi dao dài 09cm, rộng nhất lưỡi dao 02cm.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang ngày 20 tháng 5 năm 2026).

*Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Bị cáo Nguyễn Thị Như Y1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND t. An Giang;
- VKSND t. An Giang;
- Sở Tư pháp t. An Giang;
- VKSND KV10 – An Giang;
- Công an t. An Giang;
- Phòng PC10 Công an t. An Giang;
- Phân trại tạm giam Cô Tô cơ sở 3;
- Phòng THADS KV10 – An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thùy Giang**